

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-PT

Ngày: 15/3/2023

V/v: “Ly hôn, con chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mai Hương.

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Quốc Trường và ông Trần Văn San.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Lương Thị Hòa - Thư ký Tòa án.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2022/TLPT - HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2022 về việc “Ly hôn, con chung”; do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 33/2022/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Hà Nam bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2023/QĐPT-HNGĐ ngày 22/02/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L (tên gọi khác Nguyễn Thuý L), sinh năm 1965; địa chỉ: Tổ 1, phường M, thị xã T, tỉnh Hà Nam; có mặt.

- Bị đơn: Ông Vũ Hồng T, sinh năm 1962; địa chỉ: Tổ 1, phường M, thị xã T, tỉnh Hà Nam; có mặt.

NLQ, sinh năm 1989; địa chỉ: Phòng 1906B, số 102 Thái Thịnh, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

\* **Người kháng cáo:** Ông Vũ Hồng T, sinh năm 1962; địa chỉ: Tổ 1, phường M, thị xã T, tỉnh Hà Nam, là bị đơn kháng cáo.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, tài liệu hồ sơ vụ án và tại phiên tòa thì nội dung vụ án như sau:

Bà Nguyễn Thị L và ông Vũ Hồng T kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, thị xã T, tỉnh Hà Nam năm 1988. Theo bà L vợ chồng chung sống tình cảm được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T hay ghen tuông vô cớ, hay đánh đập, chửi bới. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài mà không được cải thiện, vợ chồng sống ly thân từ tháng

6/2020 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin ly hôn ông T.

Theo ông T thì sau quá trình chung sống, vợ chồng ông đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà L có quan hệ không lành mạnh với người đàn ông khác dẫn đến vợ chồng có một vài lần xảy ra xô xát, một số lần bà L tự ý bỏ đi; vợ chồng ly thân từ tháng 6/2020 đến nay không quan tâm đến nhau. Nay ông đồng ý ly hôn với lý do bà L ngoại tình.

\* Về con chung: Bà L xác định vợ chồng bà có hai con chung là Vũ Thuỷ H, sinh ngày 24/02/1989 và Vũ Thành N, sinh ngày 13/10/1996. Phía ông T trình bày vợ chồng có một con chung là Vũ Thành N, sinh ngày 13/10/1996, nay đã đến tuổi trưởng thành không yêu cầu Toà án giải quyết. Đối với chị Vũ Thuỷ H, ông T đề nghị giám định ADN xác định mối quan hệ cha con giữa ông và chị H.

\* Quan điểm của chị H không đồng ý giám định và kiên quyết từ chối cung cấp mẫu cho việc giám định ADN.

\* Về tài sản chung: Bà L, ông T đều không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về yêu cầu khác: Ông Vũ Hồng T đề nghị chị Vũ Thuỷ H đã trưởng thành tự lập nên phải có trách nhiệm chu cấp vật chất cho ông theo quy định của pháp luật. Đề nghị bà L đền bù công chăm sóc nuôi dưỡng chị H số tiền 5 tỷ đồng, bà L ngoại tình gây tổn thất tinh thần cho ông 1 tỷ đồng.

Từ nội dung trên, tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 33/2022/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Hà Nam đã quyết định.

Căn cứ các Điều 28; 35; 39; 52; 54; 147; 200; 227; 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51, 56, 88 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Xử lý hôn giữa bà Nguyễn Thị L với ông Vũ Hồng T.

2. Về con chung: Xác định chị Vũ Thuỷ H, sinh ngày 24/02/1989 và anh Vũ Thành N, sinh ngày 13/10/1996 là con chung của bà Nguyễn Thị L và ông Vũ Hồng T. Do các con chung đã đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được nên không đặt ra giải quyết về vấn đề nuôi con, chăm sóc con chung sau ly hôn.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Trong thời hạn luật định, ngày 28/11/2022 ông Vũ Hồng T có đơn kháng cáo bản án, đề nghị cấp phúc thẩm huỷ Bản án số 33/2022/HNGĐ-ST ngày 16/11/2022 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Hà Nam; với lý do vi phạm tố tụng, không thực hiện hòa giải tại Tòa án; không thực hiện việc giám định ADN theo quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Bà Nguyễn Thị L đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho bà ly hôn với ông T. Về con chung các con đã lớn, sống tự lập nên không đề nghị giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam có quan điểm: Việc chấp hành pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Vũ Hồng T; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 33/2022/HNGĐ-ST ngày 16/11/2022 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Hà Nam.

Án phí dân sự phúc thẩm: ông Vũ Hồng T phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe kiểm sát viên phát biểu ý kiến; sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Vũ Hồng T làm trong thời hạn luật định, nội dung đầy đủ theo quy định tại Điều 272, khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông T đề nghị cấp phúc thẩm huỷ Bản án số 33/2022/HNGĐ-ST ngày 16/11/2022 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Hà Nam, với lý do vi phạm tố tụng về việc không thực hiện hòa giải tại Tòa án; không thực hiện việc giám định ADN theo quy định pháp luật, thấy rằng:

Sau khi kết hôn, ông, bà đều xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được, vợ chồng ông bà đã sống ly thân từ tháng 6/2020 cho đến nay không ai còn quan tâm đến ai. Nên bà Nguyễn Thị L làm đơn xin ly hôn với ông Vũ Hồng T. Sau khi nhận đơn xin ly hôn, Tòa án nhân dân thị xã T ban hành thông báo về quyền lựa chọn hòa giải và lựa chọn hòa giải viên cho người khởi kiện. Người khởi kiện có văn bản không lựa chọn hòa giải nên Tòa án chuyển đơn xử lý theo quy định pháp luật tố tụng là đúng theo quy định tại Điều 16 Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại các Điều 205, 210, 211 Bộ luật tố tụng dân sự. Nhưng các bên đều giữ nguyên quan điểm nên hòa giải không thành. Do vợ chồng ông bà mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nên Tòa án đã xử ly hôn giữa bà Nguyễn Thị L và ông Vũ Hồng T là phù hợp quy định pháp luật.

Về con chung, các con đều trên 18 tuổi tự lập nên ông bà không phải cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, ông Vũ Hồng T cho rằng chị Vũ Thủy H không phải con đẻ của ông nên có đơn đề nghị giám định ADN đối với chị Vũ Thủy H. Sau khi tiếp nhận đơn của ông, Tòa án đã bổ sung người tham gia tố tụng là chị Vũ Thủy H và ban hành quyết định trưng cầu giám định, thông báo thời gian làm việc cho ông Vũ Hồng T và chị Vũ Thủy H để lấy mẫu thực hiện việc giám định là đúng quy định tại các Điều 97, 102 Bộ luật tố tụng dân sự. Song chị Vũ Thủy H không đến lấy mẫu và có đơn từ chối giám định với lý do chị đã đi xây dựng gia đình, không có công sức đóng góp và không yêu cầu chia tài sản chung của bố mẹ. Do vậy, Tòa án không thực hiện được việc giám định theo đề nghị của ông Vũ Hồng T. Ông Vũ Hồng T không xuất trình được tài liệu, chứng cứ về việc chị H không phải là con đẻ của ông nên cấp sơ thẩm xác định chị Vũ Thủy H, sinh ngày 24/02/1989 và anh Vũ Thành N, sinh ngày 13/10/1996 là con chung của bà Nguyễn Thị L và ông Vũ Hồng T. Do các con chung đã đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được nên không đặt ra giải quyết về vấn đề nuôi con, chăm sóc con chung sau ly hôn là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Vũ Hồng T không xuất trình được tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của ông.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Vũ Hồng T.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do ông T trên 60 tuổi và đề nghị được miễn án phí nên được Hội đồng xét xử chấp nhận miễn án phí cho ông theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Vũ Hồng T; giữ nguyên Bản án dân sự số 33/2022/HNGĐ-ST ngày 16/11/2022 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Hà Nam.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 52, Điều 53, Điều 54, Điều 147, Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 88 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, quyết định:

1. Xử lý hôn giữa bà Nguyễn Thị L và ông Vũ Hồng T.
2. Về con chung: Xác định chị Vũ Thủy H, sinh ngày 24/02/1989 và anh Vũ Thành N, sinh ngày 13/10/1996 là con chung của bà Nguyễn Thị L và ông Vũ Hồng

T. Do các con chung đã đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được nên không đặt ra giải quyết về vấn đề nuôi con, chăm sóc con chung sau ly hôn.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Vũ Hồng T không phải chịu. Hoàn lại số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng cho ông theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0000912 ngày 28/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Hà Nam.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hà Nam;
- TAND TX T;
- Chi cục THADS TX T
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa  
(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Mai Hương**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**